

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:10/2022/HNST

Ngày: 21/01/2022

V/v: "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 Bà Nguyễn Thị Bé Nga

2 Bà Đoàn Thị Ngọc Hân

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Sơn - Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: bà Đỗ Thị Thu
Ngà –Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu
Thành - Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 512/2021/TLST-
HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021 về việc: "**Ly hôn**" theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số: 05/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn:

Mạch Diễm T, sinh năm 1983 (Có mặt)

HKTT: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Nơi cư trú: Khu phố T, Thị trấn M, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bị đơn:

Nguyễn Thuận K, sinh năm 1980

HKTT: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Anh K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/11/2021, bản tự khai, những lời khai tiếp theo
cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Mạch Diễm T trình bày:

Chị T và anh K kết hôn với nhau vào năm 2003, trên cơ sở tự nguyện, có đăng
ký kết hôn và được UBND xã A huyện C tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn
vào năm 2003. Sau khi cưới vợ chồng chung sống có hạnh phúc đến năm 2016 thì vợ
chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không còn
phù hợp. Anh K không lo làm ăn, thiếu nợ nhiều người, còn có quan hệ nam nữ bất
chính bên ngoài. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2016 đến nay. Nay chị T xác định

tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh K.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thị Diễm M sinh ngày 26/7/2003 và Nguyễn Ngọc Thảo N sinh ngày 22/3/2015. Sau ly hôn, chị T yêu cầu nuôi con chung là Nguyễn Ngọc Thảo N, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Nguyễn Thị Diễm M đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai, biên bản hoà giải tại toà, bị đơn anh K trình bày: Anh thống nhất lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn cũng như về con chung. Từ năm 2015, vợ chồng anh K chị T có một số mâu thuẫn nhau, do có thời gian anh K thiếu nợ nhiều người, có quan hệ nam nữ bên ngoài. Từ năm 2016, anh K đã về quê tại xã Quới Thành sống chung cùng mẹ ruột. Chị T thì ở Củ Chi kinh doanh buôn bán để nuôi hai con. Anh K không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con. Nếu toà giải quyết ly hôn, anh K đồng ý để chị T nuôi hai con chung. Tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận. Nợ chung: không có.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành có quan điểm:

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, việc cấp tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh K. Sau ly hôn chị T được nuôi con chung. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn. Về tài sản chung: tự thỏa thuận. Nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Thuận K là bị đơn trong vụ án, có đăng ký hộ khẩu và sinh sống tại xã B huyện C tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện C tỉnh Bến Tre. Anh K có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ

luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh K là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh K kết hôn với nhau vào năm 2003 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã A cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2003 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo như chị T, anh K trình bày, quá trình chung sống vợ chồng T anh K sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình hai bên không còn phù hợp, bất đồng quan điểm, có thời gian anh K thiếu nợ không có khả năng chi trả nên vợ chồng, anh K có mối quan hệ nam nữ bất chính bên ngoài nên vợ chồng ngày càng mâu thuẫn gay gắt. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào Biên bản làm việc xác minh của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đối với người thân của anh Nguyễn Thuận K, chị Mạch Diễm T thì vợ chồng chị T, anh K đã có xảy ra mâu thuẫn từ nhiều năm nay. Vợ chồng chị T, anh K đã không còn chung sống với nhau từ khoảng năm 2016 đến nay. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị T anh K đã thật sự mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của chị T anh K không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp Điều 56 Luật HNGĐ.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thị Diễm M sinh ngày 26/7/2003 và Nguyễn Ngọc Thảo N sinh ngày 22/3/2015. Sau ly hôn, chị T yêu cầu nuôi con chung là Nguyễn Ngọc Thảo N, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Nguyễn Thị Diễm M đã trưởng thành. Xét thấy hiện nay chị T đang nuôi cháu Thảo N, cháu Thảo N có nguyện vọng sống với mẹ. Để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu N, cần để chị T được quyền nuôi cháu N là phù hợp. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng cháu Diễm M đã trưởng thành nên Toà không xem xét.

Về tài sản chung: Hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên ghi nhận.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Chị T, anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 147, 227, 232, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Mạch Diễm T đối với anh Nguyễn Thuận K.

Chị Mạch Diễm T được ly hôn với anh Nguyễn Thuận K.

Ghi nhận việc chị T, anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn.

2. Về con chung: Sau ly hôn, chị T được nuôi con chung là Nguyễn Ngọc Thảo N sinh ngày 22/3/2015. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Riêng cháu Nguyễn Thị Diễm M sinh ngày 26/7/2003 đã trưởng thành nên Tòa không xem xét.

Anh K được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Tuy nhiên vì quyền và lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

4. Về nợ chung: hai bên khai không có nên không xem xét.

5. Về án phí:

Án phí HNST: Chị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*). Số tiền án phí trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 0001151 ngày 22/11/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Chị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

* Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các bên đương sự;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Tân Phú;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Phụng